

DANH SÁCH HOÀN TIỀN VÀO THẺ TÍN DỤNG - ĐỢT 5

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
1	DUONG THI KIM NGAN	4271XX3105	1,500,000
2	NGUYEN THI THANH HANG	4271XX0106	1,500,000
3	NGUYEN THI THU HUE	4271XX9107	1,500,000
4	NGUYEN HUU NHIEN	4271XX5103	1,500,000
5	BUI THI THUY LIEU	4271XX6106	1,500,000
6	DANG HONG QUAN	4271XX1107	1,500,000
7	NGUYEN MINH DUC	4271XX2102	1,500,000
8	PHAN TUAN HUNG	4271XX4102	1,500,000
9	LE HOANG ANH	4271XX4109	1,500,000
10	BUI THI CAM BINH	4271XX6100	1,500,000
11	TRAN TIEN CHINH	4271XX5108	1,500,000
12	PHAM VAN TAO	4271XX1107	1,500,000
13	CAO THANH TRUNG	4271XX7109	1,500,000
14	TRUONG THI PHUONG MAI	4271XX4109	1,500,000
15	NGUYEN THANH TAM	4271XX6105	1,500,000
16	TRAN THI TUYET	4271XX6105	1,500,000
17	PHAM DUC MINH	4271XX7103	1,500,000
18	LE THI HUONG	4271XX8108	1,500,000
19	VU THANH PHUC	4271XX2108	1,500,000
20	PHAM HA TRANG	4271XX3101	1,500,000
21	NGUYEN BINH THAN	4271XX4104	1,500,000
22	PHAN THI THANH THUY	4271XX1107	1,500,000
23	NGUYEN THI THUY NHUNG	4271XX7101	1,500,000
24	NGUYEN DIEU LINH	4271XX8104	1,500,000
25	NGUYEN THI THU TRANG	4271XX8105	1,500,000
26	NGUYEN THI HANG	4271XX4108	1,500,000
27	NGUYEN HUONG THAO	4271XX9100	1,500,000
28	NGUYEN THE DUNG	4271XX6101	1,500,000
29	NGUYEN THI NGA	4271XX8108	1,500,000
30	NGUYEN DUC TRUONG	4271XX5108	1,500,000
31	CAO THI HUONG LOAN	4271XX9106	1,500,000
32	TRUONG CONG CU	4271XX5109	1,500,000
33	LE THI KIM ANH	4271XX5105	1,500,000
34	CHU MANH HUNG	4271XX1104	1,500,000
35	NGUYEN HUY HOANG	4271XX3100	1,500,000
36	LUONG HUY BINH	4271XX1103	1,500,000
37	TRAN THI THANH XUAN	4271XX8108	1,500,000
38	VU QUOC BAO	4271XX9108	1,500,000
39	NGUYEN THI YEN	4271XX5105	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
40	DINH NGUYEN MINH TAM	4271XX2103	1,500,000
41	PHAN HO MINH HIEN	4271XX9108	1,500,000
42	CHE THI HOAI THANH	4271XX6102	1,500,000
43	NGUYEN MINH TRI	4271XX4108	1,500,000
44	NGUYEN THANH HA	4271XX5103	1,500,000
45	LE THI NGOC LOAN	4271XX7107	1,500,000
46	DANG UYEN THUY MINH	4271XX7104	1,500,000
47	TRAN TRUNG VUONG	4271XX1100	1,500,000
48	HUYNH THI HOANG DANH	4271XX6109	1,500,000
49	NGUYEN VAN KHOI	4271XX6107	1,500,000
50	NGUYEN THI HIEN	4271XX7102	1,500,000
51	NGUYEN THI BANG TAM	4271XX5107	1,500,000
52	DONG VIET HOANG	4271XX0100	1,500,000
53	PHAM NGOC BICH	4271XX3103	1,500,000
54	NGUYEN THI THU	5305XX8109	1,500,000
55	VUONG CHI SON	4271XX2101	1,500,000
56	NGUYEN BA THANG	4271XX4106	1,500,000
57	TRAN THI LAM	4271XX0106	1,500,000
58	NGO THI TUYET	4271XX0107	1,500,000
59	NGUYEN THI THANH THUY	4271XX6101	1,500,000
60	KIM THI THU HUONG	4271XX9107	1,500,000
61	NGUYEN THI BICH NGOC	4271XX6109	1,500,000
62	LE ANH TUAN	4271XX8102	1,500,000
63	LE MINH HIEU	4271XX6103	1,500,000
64	TRAN MY HUYEN	4271XX5100	1,500,000
65	DANG QUANG HUNG	4271XX8101	1,500,000
66	DINH VAN HAI	4271XX3101	1,500,000
67	DO NGOC LINH	4271XX4101	1,500,000
68	DANG THI DUNG	4271XX7104	1,500,000
69	TRAN THI HUONG LAN	4271XX0106	1,500,000
70	NGUYEN TH PHUONG THAO	4271XX2108	1,500,000
71	NGUYEN THI HONG LIEN	4271XX2105	1,500,000
72	PHAM THI LAN ANH	4271XX8100	1,500,000
73	TRAN VIET ANH	4271XX1105	1,500,000
74	LAM THI HONG	4271XX2104	1,500,000
75	MAI VAN HAI	4271XX8102	1,500,000
76	TRAN THI NHUNG	4271XX7106	1,500,000
77	TRUONG M QUYNH TRANG	4271XX4102	1,500,000
78	NGUYEN TUAN LINH	4271XX9107	1,500,000
79	TRINH DUY HUY	4271XX2106	1,500,000
80	TRAN THI HOAN	4271XX0106	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
81	TRUONG THI MY LE	4271XX2101	1,500,000
82	NGUYEN THI HUONG	4271XX4109	1,500,000
83	NGUYEN THI THU PHUONG	4271XX1108	1,500,000
84	HOANG THI TAM	4271XX1103	1,500,000
85	TRAN NHAT TRUNG	4271XX9100	1,500,000
86	NGUYEN MINH HOANG	4271XX9109	1,500,000
87	PHAM QUYNH NHI	4271XX8100	1,500,000
88	LE AN KHANG	4271XX9103	1,500,000
89	NGUYEN THI HUE	4271XX3105	1,500,000
90	NGUYEN DUC ANH	4271XX5101	1,500,000
91	TRAN QUANG TUNG	4271XX2104	1,500,000
92	DO ANH THANG	4271XX3108	1,500,000
93	LE LAN NA	4271XX7100	1,500,000
94	VU THI LUYEN	4271XX7101	1,500,000
95	PHAM NGOC TU	4271XX6100	1,500,000
96	NGUYEN QUOC BINH	4271XX9102	1,500,000
97	TRINH THI DAO	4271XX4102	1,500,000
98	VO QUOC KHOI	4271XX4106	1,500,000
99	NGUYEN VU CA	4271XX8104	1,500,000
100	VUONG THI MINH HUE	4271XX5106	1,500,000
101	PHAM DUONG TOAN	4271XX5106	1,500,000
102	NGUYEN HUYEN HUONG	4271XX1100	1,500,000
103	LE TUAN NGOC	4271XX3102	1,500,000
104	NGUYEN THE SON	4271XX0101	1,500,000
105	LE ANH THU	4271XX3101	1,500,000
106	NGUYEN HUYNH NGUYEN	4271XX0100	1,500,000
107	TRAN HAI YEN	4271XX3104	1,500,000
108	NGUYEN NGOC TU	4271XX6107	1,500,000
109	NGUYEN D HOANG DUNG	4271XX0107	1,500,000
110	NGUYEN THI KIM NGA	4271XX4104	1,500,000
111	NGUYEN TRONG BANG	4271XX5104	1,500,000
112	TRAN THI THU HIEN	4271XX4100	1,500,000
113	NGUYEN CONG QUOC	4271XX3105	1,500,000
114	HO VU LINH	4271XX3106	1,500,000
115	TRUONG THI VIET HA	4271XX9101	1,500,000
116	NGUYEN THI THUY KIEU	4271XX4105	1,500,000
117	DANG QUANG HUNG	4271XX5102	1,500,000
118	PHAM HAI TRIEU	4271XX5102	1,500,000
119	DO THI HUYEN	4271XX8105	1,500,000
120	NGUYEN SY VY	4271XX7100	1,500,000
121	NGUYEN BICH HA	4271XX6106	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
122	NGO MINH TRI	4271XX8105	1,500,000
123	VU VAN HAI	4271XX1109	1,500,000
124	NGUYEN HUONG LAN	4271XX2107	1,500,000
125	VU HAI YEN	4271XX3106	1,500,000
126	MAI DUC TUNG	4271XX8103	1,500,000
127	TRAN MANH HOAI	4271XX9106	1,500,000
128	LE CONG PHUONG	4271XX7108	1,500,000
129	HOANG THANH HUONG	4271XX9100	1,500,000
130	NGU HOANG QUOC CUONG	4271XX3108	1,500,000
131	LAM THI MY LIEU	4271XX6101	1,500,000
132	BUI THI THU TRANG	4271XX8105	1,500,000
133	DO THI THANH HUONG	4271XX8108	1,500,000
134	PHAM THI QUYNH HUONG	4271XX3106	1,500,000
135	PHUNG THI KIM CUC	5305XX1103	1,500,000
136	HOANG THANH THUY	4271XX2103	1,500,000
137	CHU KIM VANG	4271XX4103	1,500,000
138	LE THI THUY DUNG	4271XX3109	1,500,000
139	TRAN THI BAO NGAN	4271XX5107	1,500,000
140	NGUYEN ANH TUAN	4271XX6103	1,500,000
141	NGUYEN THI TRANG	4271XX1103	1,500,000
142	PHAM THI LOAN	4271XX5103	1,500,000
143	PHAM THE QUYET	4271XX4103	1,500,000
144	NGUYEN VAN DUC	4271XX1103	1,500,000
145	LE THI KIM CUC	4271XX3100	1,500,000
146	DANG DINH THUY	4271XX8109	1,500,000
147	PHAM HAI ANH	4271XX2101	1,500,000
148	DO NGOC AN	4271XX7109	1,500,000
149	LE THI NGOC LOAN	4271XX8101	1,500,000
150	NGUYEN ANH KHUE	4271XX3108	1,500,000
151	DINH THI HA	4271XX0108	1,500,000
152	NGUYEN MANH HUNG	4271XX1106	1,500,000
153	TRAN SINH LUONG	4271XX9108	1,500,000
154	NGUYEN THI NGOC TU	4271XX7105	1,500,000
155	DINH THI NGOC LAN	4271XX3109	1,500,000
156	VU THU HIEN	4271XX4104	1,500,000
157	LE HONG THUY	4271XX0100	1,500,000
158	DOAN QUOC KHANH	4271XX1102	1,500,000
159	HAN THI TAM	4271XX2108	1,500,000
160	NGUYEN HOAI NAM	4271XX7105	1,500,000
161	MAN THI NHU QUYNH	4271XX2105	1,500,000
162	LE HONG SON	4271XX3106	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
163	NGUYEN XUAN THUY	4271XX9107	1,500,000
164	VU DUC THO	4271XX0102	1,500,000
165	TRINH CONG SON	4271XX9104	1,500,000
166	NGUYEN TRONG CONG	4271XX2102	1,500,000
167	NGUYEN THI THU HUYEN	4271XX7105	1,500,000
168	TRUONG HOANG THIEN	4271XX1100	1,500,000
169	BUI HANH THUY	4271XX8100	1,500,000
170	PHAM XUAN TIEN	4271XX1108	1,500,000
171	NGUYEN BA HAI	4271XX6100	1,500,000
172	TRAN THANH CUONG	4271XX3105	1,500,000
173	NGUYEN HOANG YEN	4271XX2106	1,500,000
174	TRAN TRONG THAI	4271XX8101	1,500,000
175	PHAM THUY ANH	4271XX2105	1,500,000
176	TA DANG THINH	4271XX5107	1,500,000
177	HOANG DIEM MY	4271XX9105	1,500,000
178	DAO THU LAN	4271XX7109	1,500,000
179	NGUYEN THI THANH HANG	4271XX7100	1,500,000
180	MAI THU HA	4271XX0102	1,500,000
181	TRAN VAN HUY	4271XX4108	1,500,000
182	TRAN THI TIEN	4271XX2100	1,500,000
183	PHUNG HAI HA	4271XX5101	1,500,000
184	NGUYEN THI THU TRANG	4271XX0108	1,500,000
185	DO THI HUYEN TRANG	4271XX4103	1,500,000
186	TRAN THI TU	4271XX8104	1,500,000
187	NGUYEN HOANG DUY	4271XX1108	1,500,000
188	BUI MANH CUONG	4271XX0100	1,500,000
189	NGUYEN HOANG TUNG	4271XX5109	1,500,000
190	NGUYEN TUAN TU	4271XX8102	1,500,000
191	NGUYEN TUAN ANH	4271XX4109	1,500,000
192	TRAN MINH CHINH	4271XX3104	1,500,000
193	LE MINH HIEU	4271XX7103	1,500,000
194	NGUYEN THI THOM	4271XX3104	1,500,000
195	TRINH VAN TAN	4271XX8108	1,500,000
196	HA TUAN LOC	4271XX8103	1,500,000
197	NGUYEN P QUY THANH	4271XX0106	1,500,000
198	NGUYEN THI TRANG	4271XX1104	1,500,000
199	NGUYEN THI THU HUONG	4271XX0104	1,500,000
200	LE DOAN THANG	4271XX1101	1,500,000
201	DANG HUONG LY	4271XX5104	1,500,000
202	LE XUAN ANH	4271XX5107	1,500,000
203	LE HONG HAI	4271XX3104	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
204	NGUYEN THI THUY TIEN	4271XX7104	1,500,000
205	NGUYEN THUY ANH	4271XX9105	1,500,000
206	NGUYEN BAO LINH	4271XX9104	1,500,000
207	NGUYEN THI HA	4271XX4107	1,500,000
208	TRAN BANG CHAU	4271XX2106	1,500,000
209	TA THI CHAM	4271XX6103	1,500,000
210	TRAN HAI YEN	4271XX2102	1,500,000
211	PHAN HUYNH THE VINH	4271XX6106	1,500,000
212	HOANG THI HANG	4271XX0106	1,500,000
213	NGUYEN VAN HOAN	4271XX4100	1,500,000
214	LE LE DUNG	4271XX0109	1,500,000
215	DO LUONG THIEN	4271XX3100	1,500,000
216	NGUYEN MAI ANH	4271XX9103	1,500,000
217	HOANG XUAN THUONG	4271XX3104	1,500,000
218	PHAM THI NGAN	4271XX7108	1,500,000
219	HA THI THUY	4271XX2107	1,500,000
220	NGUYEN THU HA	4271XX1104	1,500,000
221	NGUYEN CONG LAM	4271XX5109	1,500,000
222	DOAN THI HUE	4271XX0108	1,500,000
223	TRAN QUY DUONG	4271XX9105	1,500,000
224	NONG HOANG ANH	4271XX8107	1,500,000
225	NGO THI MO	4271XX6104	1,500,000
226	NGUYEN QUOC HUNG	4271XX6104	1,500,000
227	VU THI HONG	4271XX4108	1,500,000
228	TRAN ANH TIEN	4271XX5101	1,500,000
229	NGO THI LAN HUONG	4271XX5105	1,500,000
230	PHAN THI TO NHU	4271XX0103	1,500,000
231	NGO QUANG VINH	4271XX1104	1,500,000
232	LE THANH HUYEN	4271XX3100	1,500,000
233	NGUYEN THANH VIEN	4271XX7101	1,500,000
234	NGUYEN THI HUYEN	4271XX0101	1,500,000
235	VU HOANG HA	4271XX0105	1,500,000
236	TRAN VAN HOANG	4271XX7104	1,500,000
237	VU VAN LAM	4271XX0107	1,500,000
238	MAI GIA CUONG	4271XX9101	1,500,000
239	NGUYEN TU PHUONG	4271XX5108	1,500,000
240	NGUYEN HUYEN HANG	5305XX2101	1,500,000
241	NGUYEN THI PHUONG LAN	4271XX9101	1,500,000
242	NGUYEN DINH PHUONG	4271XX2102	1,500,000
243	NGUYEN THI LE QUYEN	4271XX8104	1,500,000
244	PHI HUNG THANG	4271XX8107	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
245	LAM VAN THANH	4271XX3104	1,500,000
246	NGUYEN THI HANH	4271XX9109	1,500,000
247	HOANG VAN KIEN	4271XX5105	1,500,000
248	BUI THI THUY OANH	4271XX3107	1,500,000
249	HOANG TUNG	4271XX8106	1,500,000
250	NGUYEN THI TAM	4271XX2106	1,500,000
251	DANG THI HIEN	4271XX1101	1,500,000
252	DANG THI THU HIEN	4271XX7101	1,500,000
253	TA HUU HUNG	4271XX4107	1,500,000
254	HAN QUOC TRONG	4271XX9102	1,500,000
255	NGUYEN KHAC NGOC	4271XX5105	1,500,000
256	LE MINH PHUONG	4271XX4106	1,500,000
257	NGUYEN XUAN THANG	4286XX8107	350,000
258	DUONG THI LAN	4111XX2103	700,000
259	TRAN DINH VAN	4286XX2102	350,000
260	LE THI HIEN	4111XX7106	700,000
261	TRAN VAN TUNG	4111XX1100	700,000
262	LE VIET HOA	4111XX9104	700,000
263	NGUYEN THU HA	4111XX3108	700,000
264	LE MINH HUNG	4111XX2104	700,000
265	NGUYEN AN QUYEN	4286XX6100	350,000
266	NGUYEN THI MINH TAM	4111XX6108	700,000
267	PHAM HONG LINH	4286XX7103	350,000
268	BUI HUU QUANG	4111XX8105	700,000
269	BUI THI THUY NGA	4111XX7103	700,000
270	PHAM THI BICH HUONG	4286XX8103	350,000
271	NGUYEN TIEN LUONG	4111XX7103	700,000
272	PHAN TAN THUAN	4111XX7101	700,000
273	NGUYEN THI HANH	4111XX6102	700,000
274	LE DUC HANH	4286XX3102	350,000
275	NGUYEN THI YEN LOAN	4111XX0105	700,000
276	NGUYEN ANH TUAN	4111XX3100	700,000
277	PHAM NGUYEN HONG LINH	4286XX8108	350,000
278	NGO THI NGOC TU	4111XX3108	700,000
279	NGUYEN XUAN DIEN	4111XX3100	700,000
280	HOANG THI QUYNH NGA	4286XX8100	350,000
281	NGUYEN THI XUYEN	4111XX2104	700,000
282	NGO MINH TAM	4111XX3104	700,000
283	TRINH TUAN KHANG	4111XX3109	700,000
284	VU THI HUONG GIANG	4111XX4101	700,000
285	DO THI LAN	4111XX8106	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
286	LOAN VAN HAU	4111XX7106	700,000
287	NGUYEN THI TU ANH	4286XX7102	350,000
288	TA MINH MAN	4286XX3107	350,000
289	NGO THI HOA	4111XX5107	700,000
290	PHAM THI HUYEN CHAM	4286XX6103	350,000
291	LO THI ANH HONG	4111XX3105	700,000
292	NGUYEN THU HUYEN	4111XX2108	700,000
293	NGUYEN THANH HOA	4111XX8105	700,000
294	DUONG THI HAI	4111XX8101	700,000
295	HOANG THI NHUNG	4286XX7105	350,000
296	NGUYEN QUY ANH	4111XX2109	700,000
297	TRAN DANG KHOA	4111XX8105	700,000
298	LUONG THI HAI MINH	4111XX8108	700,000
299	MAI TIEN DUNG	4286XX7102	350,000
300	PHAM THI THE PHUONG	4111XX1109	700,000
301	PHAM HUONG GIANG	4111XX0107	700,000
302	LE HUU TUAN ANH	4286XX1103	350,000
303	LE THI BICH NGOC	4286XX0103	350,000
304	LE XUAN THAI	4286XX9106	350,000
305	PHAM CHI TRUNG	4286XX3118	350,000
306	TRAN THI THUY HUONG	4286XX7107	350,000
307	VU THI HUYEN TRANG	4111XX8106	700,000
308	DOAN VUONG HUONG LAN	4111XX4103	700,000
309	LE TIEN HUNG	4286XX1113	350,000
310	NGUYEN THI HANH	4111XX2101	700,000
311	DINH THANH TUAN	4111XX7102	700,000
312	NGUYEN TUAN ANH	4111XX5103	700,000
313	PHAN TU NHU	4286XX1109	350,000
314	TU THI LUYEN	4111XX6100	700,000
315	VO THI DIEU TAM	4111XX7101	700,000
316	NGUYEN THI VIEN	4286XX8106	350,000
317	HO LONG MAN	4111XX5105	700,000
318	NGUYEN NHU TRUNG	4286XX2109	350,000
319	VUONG TOAN TRUNG	4111XX9101	700,000
320	HA HONG NGOC	4286XX9100	350,000
321	TRAN THI HUYEN TRAN	4111XX5109	700,000
322	NGUYEN NGOC HAO	4111XX5106	700,000
323	NGUYEN VU QUANG	4111XX6109	700,000
324	NGUYEN THI HONG HANH	4111XX2109	700,000
325	LUONG THI TINH	4111XX6106	700,000
326	TRAN THI QUY	4111XX7108	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
327	NGUYEN NGOC CHAN	4286XX8100	350,000
328	NGUYEN THANH HAI	4286XX5102	350,000
329	NGO TAN TAI	4286XX8107	350,000
330	PHAM CONG DAI	4286XX7102	350,000
331	NGUYEN THI KHANH VAN	4111XX1102	700,000
332	NGUYEN DUC HUNG	4111XX1102	700,000
333	VU MANH CUONG	4286XX2107	350,000
334	PHAM VAN DUNG	4111XX1100	700,000
335	DO VAN HIEU	4286XX5101	350,000
336	DO THI HOAI	4111XX7104	700,000
337	NGUYEN PHUONG ANH	4111XX2107	700,000
338	DOAN NGUYEN ANH VU	4111XX2101	700,000
339	VO TAN PHUC	4286XX7100	350,000
340	TRAN HA TRANG	4286XX2109	350,000
341	TU NGOC SON	4286XX9105	350,000
342	NGUYEN THUY LINH	4111XX7103	700,000
343	DO THI THU HA	4286XX3104	350,000
344	NGUYEN HUYEN TRANG	4286XX7100	350,000
345	HOANG THI TUONG LAN	4111XX8106	700,000
346	NGUYEN THI LAN ANH	4111XX2108	700,000
347	NGUYEN THAI MINH HANG	4286XX8102	350,000
348	NGUYEN THI LOAN	4111XX7105	700,000
349	PHAM VAN HONG	4286XX3100	350,000
350	TRAN HOAI HUNG	4286XX9108	350,000
351	NGUYEN TUAN ANH	4286XX3100	350,000
352	NGUYEN VAN DANG	4111XX2101	700,000
353	NGUYEN THI MINH HUYEN	4111XX4106	700,000
354	TRAN THI THU THUY	4111XX9108	700,000
355	LE VO PHUONG VY	4111XX0105	700,000
356	HUYNH HUU HIEU	4111XX5102	700,000
357	NGUYEN THI LY	4111XX7109	700,000
358	TRUONG THANH TAN	4111XX9104	700,000
359	HOANG XUAN HOA	4111XX9108	700,000
360	NGUYEN T TUYET SUONG	4111XX3106	700,000
361	TRAN NGOC ANH	4286XX7108	350,000
362	HOANG THI THANH LOAN	4111XX4101	700,000
363	NGO THI MY NGOC	4111XX4102	700,000
364	PHAM QUANG VINH	4111XX4109	700,000
365	NGUYEN THU THAO	4111XX0102	700,000
366	PHAN THI HONG PHUONG	4286XX3106	350,000
367	PHUNG THI NGOC CHAM	4111XX8106	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
368	DINH THI XUYEN	4286XX0104	350,000
369	LE THUY HANG	4111XX4100	700,000
370	DONG LE KHANH VAN	4111XX1107	700,000
371	PHAN THI THANH THAO	4111XX3105	700,000
372	PHAM THANH MINH	4286XX3103	350,000
373	TRUONG THI THU THAO	4286XX0103	350,000
374	TRAN QUANG	4286XX3109	350,000
375	VU ANH LINH	4111XX4107	700,000
376	DO VIET HOANG	4286XX6103	350,000
377	TUONG TRI TRUNG	4286XX0101	350,000
378	NGUYEN THI NU	4111XX8109	700,000
379	LE PHUONG LINH	4286XX9103	350,000
380	NGUYEN QUANG THAI	4286XX5109	350,000
381	HOANG VAN TAN	4111XX3109	700,000
382	NGUYEN THI THUY AN	4111XX6103	700,000
383	AU KIM LONG	4111XX1107	700,000
384	LE THI MY THU	4111XX6101	700,000
385	VO THANH TAI	4111XX4108	700,000
386	NGUYEN THI LAN CHI	4111XX8104	700,000
387	CHU HONG THUY	4111XX4107	700,000
388	LE THI HUONG	4286XX0102	350,000
389	LE VAN TRI	4111XX2100	700,000
390	VU ANH DUC	4111XX3100	700,000
391	NGUYEN THI HUONG	4111XX4102	700,000
392	BUI THI MY THUYEN	4111XX6102	700,000
393	NGUYEN KHANH PHU	4111XX1104	700,000
394	BUI THANH TAM	4111XX3109	700,000
395	LE THI KIM ANH	4286XX3108	350,000
396	KIEU THI NGOC ANH	4111XX8109	700,000
397	NGUYEN THI HONG PHUOC	4111XX9104	700,000
398	TA THANH BINH	4111XX0100	700,000
399	PHAN THI ANH XUAN	4286XX1102	350,000
400	HOANG MANH QUANG	4111XX7109	700,000
401	PHU D NU BICH HUONG	4111XX8109	700,000
402	PHAM CHI TRUNG	4111XX9103	700,000
403	PHAM NGUYEN NHAT LINH	4286XX0100	350,000
404	MAI XUAN THUC	4111XX6100	700,000
405	TRAN VAN HA	4111XX2102	700,000
406	NGUYEN CHUONG KHANH	4111XX3104	700,000
407	PHAM VIET DUNG	4111XX9102	700,000
408	NGUYEN THI HANG	4111XX0106	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
409	DONG THI PHUONG THUY	4111XX2100	700,000
410	DO CHI VINH	4111XX9100	700,000
411	NGUYEN THANH MINH	4111XX3102	700,000
412	LE NGOC DAT	4111XX4108	700,000
413	UONG NHAT PHUONG	4111XX2108	700,000
414	NGUYEN THI VAN	4111XX8105	700,000
415	NGUYEN DUY MY NGUYEN	4286XX8109	350,000
416	HOANG THI TUYET	4111XX2102	700,000
417	NGUYEN LE ANH PHUONG	4111XX8104	700,000
418	NGUYEN THI QUYNH LY	4111XX0105	700,000
419	VO CHI PHUONG	4111XX9105	700,000
420	NGUYEN MINH TU	4111XX1103	700,000
421	TRAN THI MINH HIEU	4111XX5103	700,000
422	NGUYEN NGOC CHUC	4111XX6108	700,000
423	LUU QUANG KHANH	4111XX0107	700,000
424	NGUYEN HIEN TRANG	4111XX9104	700,000
425	DO PHAM THANH BINH	4111XX9108	700,000
426	NGUYEN T PHUONG DUNG	4111XX3105	700,000
427	HA THUY NGOC	4286XX8102	350,000
428	NGUYEN THI THUY DUONG	4286XX5102	350,000
429	NGUYEN THANH LIEM	4111XX9103	700,000
430	HO THI MY LE	4111XX2107	700,000
431	LE THI HONG LUYEN	4286XX3105	350,000
432	NGUYEN DUC BINH	4111XX6108	700,000
433	NGO KHAC DUC	4111XX7106	700,000
434	PHAM THANH HUONG	4286XX3107	350,000
435	TRAN TRONG HIEU	4111XX1109	700,000
436	LE MINH KIET	4111XX7107	700,000
437	DO TUAN HUNG	4111XX4107	700,000
438	HOANG LE NGUYEN	4286XX0102	350,000
439	LE THI THU	4286XX2109	350,000
440	TRAN THI NHUT LINH	4111XX2103	700,000
441	TRAN THI HUYEN TRANG	4111XX8103	700,000
442	CHAU TAY TAY	4111XX3104	700,000
443	DANG HUU PHI	4111XX0100	700,000
444	TRINH HAI NGUYEN	4111XX1104	700,000
445	LE HOANG THUY VI	4111XX7100	700,000
446	TRINH VAN ANH	4286XX0102	350,000
447	NGUYEN THI MINH CHAU	4111XX4100	700,000
448	NGO THI LAN HUONG	4286XX7109	350,000
449	DUONG MY TIEN	4286XX1107	350,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
450	PHAM THI MINH HOI	4286XX2104	350,000
451	DUONG DUC THUAN	4111XX0101	700,000
452	HOANG TRUNG CUONG	4111XX9103	700,000
453	LE THI NGOC LINH	4286XX1106	350,000
454	LE NGOC BAO	4111XX9104	700,000
455	NGUYEN HOANG KIEN	4111XX9103	700,000
456	DO DUC HAI	4111XX1109	700,000
457	NGO MANH HA	4111XX7107	700,000
458	TRUONG TIEN TAI	4111XX1109	700,000
459	NGUYEN THUY DUONG	4286XX5102	350,000
460	NGUYEN THI KIM THOA	4286XX6109	350,000
461	PHI HAI ANH	4111XX1109	700,000
462	NGUYEN NGOC THANG	4286XX9100	350,000
463	NGO THI VIET HOA	4111XX3105	700,000
464	TRAN LE THUY	4286XX9106	350,000
465	NGUYEN THI MY LINH	4286XX2103	350,000
466	PHAN THI THANH BINH	4286XX4106	350,000
467	PHAM HOANG TAM TINH	4111XX6108	700,000
468	NGUYEN HUY TRUONG	4111XX7105	700,000
469	MAI THI MY LINH	4286XX2103	350,000
470	TRAN NGOC LIEU	4111XX2107	700,000
471	VO HUU NAM	4111XX5107	700,000
472	DANG TRUNG KIEN	4111XX0101	700,000
473	THAI VAN DUC	4111XX2101	700,000
474	PHAM ANH DUY	4286XX2101	350,000
475	NGUYEN TR NHAT THANG	4111XX7103	700,000
476	NGUYEN PHUC VINH	4286XX5106	350,000
477	NGUYEN MANH HUNG	4111XX8103	700,000
478	HOANG GIANG THANH	4111XX6107	700,000
479	DUONG TAN VIET	4286XX2102	350,000
480	LE THANH NHA	4286XX9103	350,000
481	LE VIET CUONG	4111XX0101	700,000
482	TRAN QUANG VINH	4111XX9100	700,000
483	THACH BAO TRAM	4111XX2105	700,000
484	NGUYEN HO ANH THU	4111XX2103	700,000
485	TRINH HO MAI THY	4111XX6102	700,000
486	LE ANH TUAN	4286XX3100	350,000
487	LE NGUYEN THUY PHUONG	4111XX4100	700,000
488	VU THI HUONG	4111XX1101	700,000
489	NGUYEN VU THANH TRUC	4111XX2105	700,000
490	NGUYEN CO THACH	4111XX0106	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
491	PHAN TRONG TOAN	4111XX6103	700,000
492	TANG HONG VIET	4111XX3102	700,000
493	LE THI TRANG	4286XX5103	350,000
494	TRAN MANH HOANG	4286XX3106	350,000
495	TRAN VINH QUANG	4111XX1108	700,000
496	NGUYEN THANH PHONG	4111XX1103	700,000
497	TRAN THI HOA	4111XX4107	700,000
498	TO THI THANH BINH	4111XX4109	700,000
499	NGUYEN THI HA	4286XX5100	350,000
500	DUONG THANH BINH	4111XX8104	700,000
501	BUI THI TUYET	4111XX1101	700,000
502	NGUYEN TA ANH TUAN	4111XX9108	700,000
503	NGUYEN THI TO QUYEN	4286XX2107	350,000
504	HO MINH HOANG	4286XX3107	350,000
505	PHAM HOANG NHAT	4286XX2106	350,000
506	DANG THANH TUNG	4111XX9101	700,000
507	VU THI TRUONG XUAN	4111XX8107	700,000
508	PHAN MINH THIEN	4111XX8100	700,000
509	LE THI HONG TUYET	4111XX1106	700,000
510	NGUY THI BICH LIEN	4111XX9106	700,000
511	TRAN DAC QUAN	4286XX2104	350,000
512	TRAN HONG HANH	4111XX5102	700,000
513	CAO THI KIM THO	4111XX0103	700,000
514	BUI KHANH LINH	4111XX5103	700,000
515	DUONG QUANG HIEU	4111XX2109	700,000
516	NGUYEN TH PHUONG THUY	4286XX0102	350,000
517	NGUYEN VU THANH TUYEN	4111XX7108	700,000
518	VO ANH TAI	4111XX5102	700,000
519	TRAN THI VAN	4286XX3109	350,000
520	DO HOANG THINH	4111XX5104	700,000
521	BUI THI HOAI THUONG	4286XX1108	350,000
522	BUI THI LAN HUONG	4286XX6103	350,000
523	DUONG HUU HOANG	4286XX5102	350,000
524	TRAN TUAN NGHIA	4111XX5106	700,000
525	NGUYEN TH PHUONG THUY	4286XX3100	350,000
526	NGUYEN THI THUY LINH	4111XX5104	700,000
527	HUYNH PHUONG TAM	4111XX2102	700,000
528	DUONG QUYNH XUAN	4286XX7106	350,000
529	TRUONG QUOC DONG	4286XX5101	350,000
530	LE VU NHAN	4286XX3104	350,000
531	NGUYEN DANH DUONG	4111XX2107	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
532	NGUYEN NHAN QUANG	4111XX3108	700,000
533	PHAM THI THANH HAI	4111XX2104	700,000
534	NGUYEN ANH QUAN	4286XX1108	350,000
535	NGUYEN THAI SON	4111XX1104	700,000
536	HONG TUAN CUONG	4111XX1106	700,000
537	LE THI KIM NGAN	4286XX7105	350,000
538	NGUYEN TIEN THUAN	4111XX1101	700,000
539	QUANG THI HONG AN	4286XX2102	350,000
540	NGUYEN DUY PHU	4111XX6109	700,000
541	NGUYEN TAN BINH	4286XX8109	350,000
542	TRAN ANH	4111XX5103	700,000
543	TONG DUY THAI	4111XX6100	700,000
544	NGUYEN VIET MINH	4111XX5104	700,000
545	LE NGOC HIEN	4111XX4108	700,000
546	HUYNH VAN MINH	4111XX3104	700,000
547	NGUYEN THUY LOAN	4111XX3101	700,000
548	TRAN QUANG MY	4111XX1104	700,000
549	TA QUANG DUC	4111XX4102	700,000
550	NGO DANG LINH	4286XX1101	350,000
551	TRAN THI BICH LIEN	4111XX4102	700,000
552	KIM THANH THIEN	4286XX8105	350,000
553	TRUONG THI TU ANH	4111XX5104	700,000
554	NGUYEN HONG LINH	4286XX3107	350,000
555	NGUYEN VAN THANH	4111XX7100	700,000
556	LE PHUOC DIEN	4111XX2105	700,000
557	DO HUU TUNG	4111XX8101	700,000
558	NGUYEN THE THANH	4286XX5104	350,000
559	PHAM VAN VIET	4111XX6102	700,000
560	LE THI LIEN	4286XX4103	350,000
561	NGUYEN DUONG DINH	4111XX1107	700,000
562	NGUYEN THI NGOC XUAN	4111XX7106	700,000
563	NGUYEN THI XUAN NHI	4111XX0106	700,000
564	NGUYEN QUANG HUNG	4286XX2105	350,000
565	DO THANH DAT	4111XX2100	700,000
566	LE THI MINH HIEN	4111XX5103	700,000
567	NGUYEN HAI DANG	4111XX5104	700,000
568	PHAN THI THANH TU	4286XX8106	350,000
569	TRINH THUY VINH	4286XX5104	350,000
570	HUYNH THI CAT TIEN	4111XX5101	700,000
571	NGUYEN QUANG THANG	4111XX7107	700,000
572	PHAN THI HA LOAN	4286XX3108	350,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
573	LE THI THANH HUONG	4286XX2103	350,000
574	NGUYEN THANH CONG	4111XX1103	700,000
575	DAM NGOC KIM THANH	4111XX4105	700,000
576	DO DUC MINH	4111XX5108	700,000
577	VU THE KHOA	4111XX8102	700,000
578	NGUYEN TRAN TAM	4286XX8101	350,000
579	KHUAT LAM QUAN	4111XX4105	700,000
580	LE THI PHUONG Y	4286XX4107	350,000
581	HOANG THI THUY HANG	4286XX0100	350,000
582	TRAN THI NINH	4111XX5107	700,000
583	THAI VINH TRINH	4111XX8101	700,000
584	NGO HOANG VU	4286XX7108	350,000
585	NGUYEN THI THANH THAO	4111XX8108	700,000
586	LE THUY PHUONG THAO	4286XX6109	350,000
587	NGUYEN PHUC HUNG	4111XX1104	700,000
588	DINH THI THU HA	4111XX6105	700,000
589	HUYNH THOI VUONG DONG	4111XX8106	700,000
590	LUU CHI HIEU	4111XX5106	700,000
591	LE THU HONG	4111XX8100	700,000
592	LE THI THANH MUI	4111XX3101	700,000
593	NGUYEN TIEU MANH	4286XX9102	350,000
594	NGUYEN THI KIM SA	4111XX4101	700,000
595	HUYNH THANH NAM	4286XX1105	350,000
596	TRAN VAN DUC	4111XX5104	700,000
597	NGUYEN THI VAN ANH	4111XX7107	700,000
598	NGUYEN VAN CAM	4286XX3106	350,000
599	DANG THI NGOC LAN	4111XX0102	700,000
600	TANG CHI DUNG	4111XX6103	700,000
601	TRUONG DUC KHIEM	4111XX5107	700,000
602	NGUYEN THI THAO TRAN	4286XX6107	350,000
603	NGUYEN HUY QUANG	4286XX5100	350,000
604	LE THI MY	4286XX5107	350,000
605	TRAN NGUYEN PHUC DAT	4286XX5103	350,000
606	HOANG THI HUONG THAO	4111XX6104	700,000
607	LE HOANG PHUC	4111XX3108	700,000
608	VO THI THANH HUYEN	4286XX7105	350,000
609	DAO DINH LUYEN	4111XX9106	700,000
610	TRUONG KHAC DUNG	4111XX4104	700,000
611	TRAN DIEU LINH	4111XX4107	700,000
612	NGUYEN THANH NGA	4111XX8102	700,000
613	KIM VAN CHUONG	4286XX1100	350,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
614	HUYNH THI NHU	4286XX9107	350,000
615	NGUYEN VAN DOAN	4111XX9106	700,000
616	DOAN MINH HUONG	4111XX6104	700,000
617	VO VAN HUNG	4111XX5101	700,000
618	PHUNG LOI TRIEU	4111XX9106	700,000
619	PHUNG MINH HIEU	4286XX5105	350,000
620	NGUYEN THI CAM TU	4286XX4104	350,000
621	LE QUOC QUAN	4286XX6100	350,000
622	PHU PHUOC HUY	4286XX2100	350,000
623	HUYNH TAN SANG	4111XX3100	700,000
624	TO THI THANH LOAN	4286XX0109	350,000
625	PHAN VAN BANG	4111XX0107	700,000
626	PHAM HONG HANH	4111XX7100	700,000
627	TRAN THI TUYET NHUNG	4111XX6105	700,000
628	TRUONG THI NGOC LAM	4286XX2109	350,000
629	LY THI THU HUYEN	4286XX4105	350,000
630	DO PHUONG THUY	4111XX1106	700,000
631	DO QUOC TUAN	4111XX4104	700,000
632	NGUYEN DINH TIEN	4286XX8108	350,000
633	NGUYEN MINH VAN	4111XX9102	700,000
634	PHAN DANG THU THANH	4111XX0101	700,000
635	DAO NGO BAO NGAN	4111XX0108	700,000
636	TRAN THI TUYEN	4111XX5106	700,000
637	TRAN MINH ANH	4111XX4107	700,000
638	LE MINH TRI	4111XX4105	700,000
639	LE THI LE QUYEN	4111XX6101	700,000
640	LIEU THI THUY HANG	4111XX7106	700,000
641	NGUYEN HUU HUNG	4111XX0109	700,000
642	VU XUAN BACH DUONG	4286XX4105	350,000
643	VU NGOC THANH	4111XX6100	700,000
644	HUYNH CHU UT ANH	4111XX9105	700,000
645	TRAN DUC BACH	4111XX9108	700,000
646	LE CHON TAM	4111XX7108	700,000
647	HUYNH VIET TINH	4111XX8104	700,000
648	VO THI XUAN MINH	4286XX7102	350,000
649	NGUYEN THI KIM VUI	4111XX9107	700,000
650	LE THI NGOC MAI	4111XX4103	700,000
651	LY NGOC YEN	4111XX2101	700,000
652	TRAN NGOC	4111XX5105	700,000
653	NGUYEN THI TUYET LINH	4111XX6109	700,000
654	TRAN THI HUONG	4111XX6104	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
655	NGUYEN TH PHUONG DUNG	4111XX4100	700,000
656	NGUYEN MINH GIANG	4111XX4106	700,000
657	LE DINH NAM	4111XX1101	700,000
658	NGO THANH TUNG	4111XX0107	700,000
659	HUYNH CAN	4111XX3103	700,000
660	PHAM VAN LINH	4111XX4107	700,000
661	NGUYEN DUC NHAN	4111XX2106	700,000
662	HUYNH VAN TUNG	4111XX0102	700,000
663	TRAN THI CAM TU	4111XX1100	700,000
664	LE THI LOAN	4111XX8102	700,000
	Tổng cộng		623,750,000